TRUNG TÂM NCKH&ĐTCK

DANH SÁCH THAM DỰ KÌ THI CUỐI KHÓA

Khóa học "Phân tích và đầu tư chứng khoán"

Từ ngày: 14/04/2026 đến ngày 02/06/2026. Thi ngày 15/06/2026

Mã lớp: PT032026

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
Ca 1: Từ 08H30-10H00 phòng 304				
1	Nguyễn Trường An	21/07/1992	Hà Tĩnh	01
2	Cấn Hà An	24/06/1989	Hà Nội	03
3	Nguyễn Văn An	26/10/1998	Phú Thọ	05
4	Phạm Minh An	31/08/2003	Hà Nội	07
5	Bùi Thị Mai An	10/04/1996	Hưng Yên	09
6	Quản Lan Anh	11/05/1992	Hà Nội	11
7	Nguyễn Tuấn Anh	01/08/2002	Hà Nội	13
8	Nguyễn Phương Anh	26/07/2003	Hà Nội	15
9	Vũ Tiến Anh	13/05/2002	Hải Phòng	17
10	Lương Tuấn Anh	25/12/1995	Hà Nội	19
11	Nguyễn Tuấn Anh	14/07/1994	Hải Phòng	21
12	La Mai Anh	27/11/1994	Hà Nội	23
13	Ngô Duy Anh	27/11/2003	Hà Nội	25
14	Ngô Duy Anh	27/04/1990	Hà Nội	27
15	Đỗ Nam Anh	13/12/1999	Hà Nội	29
16	Đỗ Tùng Anh	28/04/2004	Hưng Yên	31
17	Hoàng Việt Anh	08/10/1991	Hà Tĩnh	33
18	Trần Ngọc Anh	07/03/1990	Thanh Hóa	35
19	Nguyễn Hải Bằng	22/09/1986	Hà Nội	37
20	Võ Công Bảo	09/10/1990	Đà Nẵng	02
21	Chu Giang Gia Bảo	09/05/1999	Hồ Chí Minh	04
22	Phạm Văn Bình	11/05/2004	Ninh Bình	06
23	Nguyễn Thái Bình	07/10/2002	Hà Nam	08

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
24	Trịnh Quốc Bình	20/09/2002	Nghệ An	10
25	Nguyễn Văn Bình	02/12/1990	Hưng Yên	12
26	Trần Văn Cần	13/09/1983	Thanh Hóa	14
27	Ngô Minh Châu	20/10/2002	Hà Nội	16
28	Trần Uyển Chi	14/06/1981	Hà Nội	18
29	Lê Việt Cường	02/11/1981	Nam Định	20
30	Hồ Trọng Cường	18/01/1985	Nghệ An	22
31	Bùi Ngọc Đăng	02/10/1990	Ninh Bình	24
32	Đỗ Thị Định	10/11/1983	Hải Phòng	26
33	Trần Ngọc Đoàn	24/01/1994	Ninh Bình	28
34	Nguyễn Phúc Duẩn	10/12/1982	Quảng Trị	30
35	Lê Mạnh Đức	31/12/2004	Hà Nội	32
36	Nguyễn Quang Đức	25/10/2004	Hà Nội	34
37	Tạ Minh Đức	03/09/1983	Bắc Giang	36
38	Nguyễn Thị Kim Dung	21/08/1997	Phú Thọ	38
Ca 1: Từ 08H30-10H00 phòng 303				
39	Hà Trung Dũng	20/12/1969	Hà Nội	02
40	Nguyễn Văn Dũng	14/12/1982	Hải Phòng	04
41	Trần Việt Dũng	30/08/1980	Hà Nội	06
42	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/05/1994	Nghệ An	08
43	Đỗ Ánh Dương	28/11/1987	Ninh Bình	10
44	Phạm Lê Dương	19/11/1981	Thanh Hóa	12
45	Phạm Ánh Dương	27/03/2004	Hà Giang	14
46	Hán Đức Duy	27/06/2003	Phú Thọ	16
47	Đỗ Thị Hương Giang	10/11/1991	Thái Bình	18
48	Phạm Văn Hà	05/03/2003	Quảng Ninh	20
49	Nguyễn Thị Thu Hà	10/01/2003	Hải Phòng	22
50	Nguyễn Thượng Hải	29/08/2006	Hà Nội	24
51	Nguyễn Tuấn Hải	07/12/1988	Ninh Bình	26

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
52	Lê Thị Hạnh	24/10/1992	Thanh Hóa	28
53	Lê Thị Hồng Hạnh	20/06/1978	Hà Nội	30
54	Phạm Thị Hạnh	04/03/1996	Ninh Bình	32
55	Nguyễn Thị Thanh Hiền	10/04/1994	Hải Phòng	34
56	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	03/02/1991	Ninh Bình	01
57	Phạm Thị Thanh Hiền	02/01/1996	Nghệ An	03
58	Bùi Thị Hiên	17/02/1981	Hà Nội	05
59	Nguyễn Minh Hiếu	09/01/2003	Nghệ An	07
60	Lê Chí Hiếu	31/01/1987	Hưng Yên	09
61	Nguyễn Thị Hoa	08/04/1996	Hà Nội	11
62	Nguyễn Thị Khánh Hòa	02/09/2000	Ninh Bình	13
63	Đỗ Thái Hoài	03/03/2000	Hà Nội	15
64	Trương Bách Hùng	27/07/1995	Ninh Bình	17
65	Trịnh Việt Hùng	24/12/1999	Ninh Bình	19
66	Cao Phi Hùng	25/02/1993	Hà Nội	21
67	Nguyễn Thị Thu Hương	16/08/2003	Hà Nội	23
68	Đàm Thị Thu Huyền	05/11/1993	Hưng Yên	25
69	Phạm Thanh Huyền	26/09/1976	Hà Nội	27
70	Dương Ngọc Huyền	06/07/1999	Hà Nội	29
71	Nguyễn Đình Khang	28/05/2000	Thanh Hóa	31
Ca 2: Từ 10H15-11H45 phòng 304				
72	Trần Bảo Khánh	05/02/2003	Hà Nội	01
73	Nguyễn Quang Khánh	18/09/1997	Phú Thọ	02
74	Trịnh Bá Kiên	27/07/1983	Ninh Bình	03
75	Vũ Khánh Lâm	06/07/1985	Yên Bái	04
76	Bùi Xuân Lâm	05/04/2001	Ninh Bình	05
77	Dương Đức Lâm	17/08/2004	Hà Nội	06
78	Nguyễn Thị Ngọc Lan	19/03/1998	Bắc Ninh	07
79	Vũ Thanh Lan	30/09/1989	Hà Nội	08

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
80	Trần Quốc Lập	20/11/1995	Ninh Bình	09
81	Trần Ngọc Linh	17/07/2003	Nam Định	10
82	Hoàng Diệu Linh	16/11/1990	Hà Nội	11
83	Nguyễn Ngọc Linh	12/05/2003	Hà Nội	12
84	Trần A Linh	26/07/1989	Hà Nội	13
85	Vũ Phương Loan	07/01/1992	Ninh Bình	14
86	Nguyễn Thị Châu Loan	02/12/1987	Hà Nội	15
87	Phạm Thị Lộc	22/05/2001	Nghệ An	16
88	Trần Thế Lợi	12/10/1987	Nam Định	17
89	Trần Việt Luân	18/03/1989	Hưng Yên	18
90	Lê Hương Ly	03/08/2003	Hà Nội	19
91	Vương Hoàng Mai	10/02/1995	Hà Nội	20
92	Hoàng Lê Mai	11/01/1984	Hà Nội	21
93	Nguyễn Thanh Mai	21/01/1999	Hà Nội	22
94	Nguyễn Thị Mai	26/03/1993	Hà Nội	23
95	Lê Thị Mai	24/04/1999	Thanh Hóa	24
96	Đào Quang Minh	14/11/2005	Hà Nội	25
97	Nguyễn Tuấn Minh	23/11/1990	Hà Nội	26
98	Nguyễn Đăng Minh	25/01/1985	Bắc Ninh	27
99	Phí Nhật Minh	07/01/2004	Hà Nội	28
100	Phạm Chơng My	03/08/2004	Phú Thọ	29
101	Trương Huỳnh Hải Nam	28/08/2001	Hưng Yên	30
102	Nguyễn Trường Nam	17/04/1998	Hà Nội	31
103	Nguyễn Phương Nam	15/09/1975	Hà Nội	32
104	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/09/1984	Thái Nguyên	33
105	Hồ Hồng Ngọc	24/12/1993	Sơn La	34
106	Ngô Thị Minh Ngọc	09/01/1987	Thái Nguyên	35
107	Nguyễn Thanh Nguyên	23/10/1987	Nam Định	36
108	Lê Thị Phương Nhi	08/11/2002	Hà Tĩnh	37

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
109	Trần Thị Tuyết Nhung	19/02/1998	Ninh Bình	38
Ca 2: Từ 10H15-11H45 phòng 303				
110	Nông Quang Ninh	11/02/1992	Hải Phòng	01
111	Phạm Văn Ninh	23/03/1995	Hưng Yên	02
112	Hoàng Văn Núi	22/10/1981	Hải Phòng	03
113	Nguyễn Tấn Phong	08/01/1998	Hà Nội	04
114	Nguyễn Thị Thu Phương	26/12/1992	Hà Nội	05
115	Hoàng Việt Phương	22/06/1986	Lào Cai	06
116	Phạm Hồng Quân	13/06/1999	Ninh Bình	07
117	Mai Anh Quân	27/05/1985	Hà Nội	08
118	Lê Thiện Quyết	04/06/1983	Hưng Yên	09
119	Lê Minh Sơn	30/08/1995	Hà Nội	10
120	Đỗ Hoàng Sơn	09/04/2003	Hà Nội	11
121	Lê Ngọc Sử	15/02/1986	Thanh Hóa	12
122	Vũ Hồng Thái	25/09/1989	Hà Nội	13
123	Lê Quang Thắng	10/09/2002	Thanh Hóa	14
124	Nguyễn Tiến Thành	22/10/1987	Ninh Bình	15
125	Phạm Minh Thành	30/10/2004	Hải Phòng	16
126	Nguyễn Trung Thành	18/07/1995	Lào Cai	17
127	Nguyễn Tấn Thành	25/08/1998	Hải Phòng	18
128	Nguyễn Huyền Thảo	28/03/1997	Lào Cai	19
129	Phạm Đỗ Minh Thi	27/11/1996	Hà Nội	20
130	Lê Xuân Thông	01/07/1999	Hà Nội	21
131	Nguyễn Thị Anh Thư	20/12/1979	Hà Nội	22
132	Trịnh Thị Anh Thư	05/04/2003	Thanh Hóa	23
133	Trung Thị Thương	29/09/1986	Hải Phòng	24
134	Vũ Thảo Trang	25/06/1999	Hưng Yên	25
135	Ngô Thị Quỳnh Trang	20/12/2003	Bắc Ninh	26
136	Trần Thị Trang	25/12/1989	Bắc Ninh	27

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
137	Đỗ Thu Trang	29/03/2003	Hà Nội	28
138	Vũ Thị Minh Trang	29/08/1993	Thanh Hóa	29
139	Lê Mai Trang	11/05/2003	Hà Nội	30
140	Lê Thị Thanh Trang	20/01/2001	Thanh Hóa	31
141	Trần Thị Trang	06/07/1984	Ninh Bình	32
142	Đỗ Quỳnh Trang	27/03/2003	Hà Nội	33
Ca 3: Từ 13H30-15H00 phòng 303				
143	Hà Thị Thu Trang	16/03/1986	Hà Nội	35
144	Trần Thị Quỳnh Trang	20/12/1986	Ninh Bình	34
145	Đặng Thái Trung	25/11/1989	Hà Nội	33
146	Lưu Minh Trung	31/10/1992	Thanh Hóa	32
147	Bùi Ngọc Tú	30/03/1991	Phú Thọ	31
148	Lý Văn Tú	24/09/1988	Bắc Ninh	30
149	Đồng Anh Tuấn	07/12/2003	Hải Phòng	29
150	Nguyễn Doãn Tùng	21/09/2003	Bắc Ninh	28
151	Đào Hoàng Tùng	25/04/1984	Hà Nội	27
152	Hoàng Viết Tùng	07/11/1984	Nghệ An	26
153	Lê Văn Tuyên	06/03/1989	Hải Dương	25
154	Hoàng Trần Thảo Vân	16/11/2000	Ninh Bình	24
155	Trần Thị Bích Vân	18/07/1981	Hà Nội	23
156	Dương Thành Vi	03/04/1994	Hải Phòng	22
157	Nguyễn Mai Hà Vi	06/07/2001	Hà Nội	21
158	Nguyễn Phong Vũ	04/04/1995	Hà Nội	20
159	Nguyễn Văn Vương	27/02/1992	Ninh Bình	19
160	Lê Hoàng Yến	10/12/1986	Hải Dương	18
161	Đỗ Hải Yến	13/07/2002	Hải Phòng	17
162	Nguyễn Hải Yến	06/11/2003	Hưng Yên	16
163	Lê Thị Hải Yến	27/12/1989	Hải Phòng	15
164	Lê Hải Yến	22/09/1987	Hà Nội	14

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
165	Lương Hữu Luân	27/02/1987	Hải Phòng	13